

Số: /2023/QĐ-UBND Hà Nam, ngày tháng năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Quy định giá tính lệ phí trước bạ đối**  
**với nhà trên địa bàn tỉnh Hà Nam**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật phí và lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 24/TTr-STC ngày 23 tháng 02 năm 2023 và Báo cáo thẩm định số 104/BCTĐ-STP ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Sở Tư pháp.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

1. Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà được xác định như sau:

Giá trị nhà tính lệ phí trước bạ (đồng)	=	Diện tích nhà chịu lệ phí trước bạ (m <sup>2</sup> )	x	Giá 01 (một) mét vuông nhà (đ/m <sup>2</sup> )	x	Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ
---	---	--	---	---	---	---

a) Diện tích nhà chịu lệ phí trước bạ là toàn bộ diện tích sàn nhà (kể cả diện tích công trình phụ kèm theo) thuộc quyền sở hữu hợp pháp của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

b) Giá 01 (một) mét vuông nhà là giá thực tế xây dựng “mới” một (01) mét vuông sàn nhà của từng cấp nhà, hạng nhà được áp dụng theo Bảng đơn giá bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc, công trình xây dựng khác và di chuyển mồ mã khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam tại thời điểm kê khai lệ phí trước bạ.

Trường hợp đơn giá nhà chưa có quy định cụ thể trong Bảng đơn giá bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc, công trình xây dựng khác và di chuyển mồ mả khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam thì vận dụng đơn giá nhà có công trình tương đương.

c) Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ: *Theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.*

2. Các nội dung khác có liên quan không quy định tại Quyết định này thực hiện theo Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15/01/2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ; Thông tư số 13/2022/TT-BTC ngày 28/02/2022 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15/01/2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ và các văn bản, quy định có liên quan.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 05/02/2018 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá tối thiểu tính lệ phí trước bạ nhà trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức; hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (để t/hiện);
- Các Bộ: Tài chính, Xây dựng (để b/cáo);
- Cục kiểm tra VB – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Website Hà Nam;
- Sở Tư pháp;
- VPUB: LĐVP, GTXD, KT;
- Lưu VT, KT(G).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trương Quốc Huy**

**PHỤ LỤC**  
**TỶ LỆ CHẤT LƯỢNG CÒN LẠI NHÀ**  
*(Kèm theo Quyết định số /2023/QĐ-UBND ngày tháng năm 2023*  
*của UBND tỉnh Hà Nam)*

Xác định tỷ lệ chất lượng nhà: Nhà mới xây dựng hoặc nhà có thời gian sử dụng dưới 5 năm xác định tỷ lệ (%) chất lượng là 100%

Đối với nhà có thời gian đã sử dụng từ 5 năm trở lên thì áp dụng tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà thời gian đã sử dụng tương ứng

<b>Thời gian sử dụng</b>	<b>Nhà biệt thự (%)</b>	<b>Nhà cấp I (%)</b>	<b>Nhà cấp II (%)</b>	<b>Nhà cấp III (%)</b>	<b>Nhà cấp IV (%)</b>
Từ 5 năm đến dưới 10 năm	85	80	70	65	60
Từ 10 năm đến dưới 20 năm	70	60	55	45	35
Từ 20 năm đến dưới 50 năm	50	40	35	30	25
Trên 50 năm	30	25	20	15	10